TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lợi

2. Ông Vũ Văn Thi

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Ngô Trí Thắng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QDST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị S, nơi cư trú: Thôn H1, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Văn H, nơi cư trú: Thôn H2, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2018, Đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vũ Văn H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện A1 (nay là huyện A , thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 01 năm 2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống tại thôn H2, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong việc giáo dục con chung và do anh H không tôn trọng gia đình chị nên cuộc sống chung của vợ chồng thường xuyên xẩy ra đánh cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Văn T, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2000 và Vũ Anh T sinh ngày 12 tháng 4 năm 2009. Ly hôn chị S đề nghị Tòa án giao con chung Vũ Anh T cho chị nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Đối với con chung Vũ Văn T đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị S được ly hôn anh Vũ Văn H. Về con chung: Giao con chung Vũ Anh T sinh ngày 12 tháng 4 năm 2009 cho chị Lê Thị S nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; buộc anh Vũ Văn H cấp dưỡng nuôi con cho chị Sự từ 1.000.000đồng đến 2.000.000đồng/tháng, việc cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; đối với con chung Vũ Văn T sinh ngày 18 tháng 7 năm 2000 đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Hưng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị S vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vũ Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Lê Thị S và anh Vũ Văn H kết hôn ngày 19 tháng 01 năm 2000 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của chị S và anh H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong việc giáo dục con chung nên thường xuyên xảy ra cãi đánh nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2016 đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị S và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị S và anh Vũ Văn H có hai con chung là Vũ Văn T, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2000 và Vũ Anh T sinh ngày 12 tháng 4 năm 2009. Sau ly hôn, chị Sự có quan điểm được nuôi dưỡng con chung Vũ Anh T, anh H không có quan điểm về con chung. Xét, con chung Vũ Anh T hiện chưa đủ 18 tuổi nên việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Thực tế từ khi vợ chồng ly thân chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng con, hiện chị S có công việc và thu nhập ổn định lại được bố mẹ đẻ hỗ trợ trong việc chăm sóc con, quá trình giải quyết vụ án anh H không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị S, nguyên vọng của con là được ở với chị S. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung nên giao con Vũ Anh T cho chị S trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với con chung Vũ Văn T đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng con chưa thành niên. Chị S trực tiếp nuôi con Vũ Anh T là người chưa thành niên nên yêu cầu anh H cấp dưỡng là có căn cứ theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình thì mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận, nhưng do anh H không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị S nên không có sự thỏa thuận của hai bên về mức cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại chị S và anh H

đều có công việc ổn định, với mức thu nhập của chị S hơn 6.000.000đồng/tháng và thu nhập của anh H từ 8.000.000đồng đến 9.000.000đồng/tháng nên buộc anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Vũ Anh T cho chị Lê Thị S 1.500.000đồng/tháng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Hưng không có quan điểm về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị S được ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Anh T sinh ngày 12 tháng 4 năm 2009 cho chị Sự trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Vũ Văn T sinh ngày 18 tháng 7 năm 2000 đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Vũ Văn H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Vũ Anh T cho chị Lê Thị S 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con Vũ Anh T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Vũ Văn H phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Chị S đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên

lai thu tiền số 0004146 ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã H, huyện A, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Liên